

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v “Ly hôn, T/c nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bì

Ông Đoàn Minh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ H, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim T1, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số E, Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Địa chỉ liên lạc: Phòng số 02, Nhà T, Số D, Quốc lộ A, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2025, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là ông Võ Thanh T trình bày tóm tắt như sau: Ông T và bà T1 tự quen biết, tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Hội Bài, huyện T (nay là xã T, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 378/2002 vào ngày 31/12/2002. Sau khi cưới nhau, vợ chồng về sinh sống chung với gia đình cha mẹ ông T tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung: Võ Thị Kim T2, sinh ngày 03/8/2003 và Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008. Năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Đến năm 2018, bà T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện T, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Nay ông T xác định vợ chồng xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T1. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi cháu C. Riêng con chung tên Võ Thị Kim T2, sinh ngày 03/8/2003 đã trưởng thành và khoẻ mạnh, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T xác định hai bên có tài sản chung, nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định hai bên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai và biên bản ghi lời khai cùng ngày 06/02/2025, bà Trần Thị Kim T1 trình bày tóm tắt như sau: Bà T1 thống nhất với trình bày của ông T về việc cả hai tự quen biết, tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Sau khi cưới, vợ chồng cùng về sinh sống bên gia đình chồng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và có 02 con chung tên là Võ Thị Kim T2, sinh ngày 03/8/2003 và Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008. Từ năm 2024, bà T1 về huyện T, tỉnh Long An chăm sóc mẹ ruột, nên không còn sống chung với ông T. Bà T1 xác định giữa 02 vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bà T1 vẫn còn thương yêu ông T nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp ông T cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì bà T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu C. Đối với con chung tên là Võ Thị Kim T2, sinh ngày 03/8/2003 đã trưởng thành, bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T1 xác định hiện tại đang làm công nhân tại Công ty X ở thành phố T, thu nhập khoảng 3.000.000đ/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T1 xác định hai bên có tài sản chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T1 xác định hai bên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/2/2025 (có chứng thực của UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), cháu Võ Thị Kim C xác định hiện nay đang học Trung học phổ thông tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và có nguyện vọng muốn sống chung với cha là ông T trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

- Ông T và bà T1 thống nhất về nội dung là cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, do bà T1 về Long An chăm sóc mẹ ruột. Ông T xác định vợ chồng xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng đã không còn, nên ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T1 xác định vẫn còn thương ông T

và để đảm bảo cho các con có đủ cha, đủ mẹ, nên không đồng ý ly hôn với ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng thì các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo sự thừa nhận của ông T, bà T1 tại phiên tòa, thì cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm gì với bà T1 và cương quyết muốn ly hôn. Bà T1 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục ông T đồng ý đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1. Về quyền nuôi con chung: Xét thấy cháu Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008, có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ông T trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Đây là sự tự nguyện của cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như yêu cầu khởi kiện của ông T, nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chỉ có ông T đến tham gia theo thời gian thông báo, nên Tòa án chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tổ chức phiên hòa giải. Sau đó, nguyên đơn là ông Võ Thanh T có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Ông T và bà T1 cưới nhau năm 2001, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã, huyện T (nay là xã T, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 378/2002 vào ngày 31/12/2002, nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà T1 là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của ông T thấy rằng: Căn cứ các ý kiến trình bày của hai bên đương sự có trong hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận của ông T, bà T1 tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định ông T, bà T1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Ông T xác định không còn tình cảm gì với bà T1 và cương quyết muốn ly hôn. Bà T1 nêu ý kiến là vẫn còn thương yêu ông T và không đồng ý ly hôn, nhưng bà T1 không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục ông T đồng ý đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Đối với cháu Võ Thị Kim T2, sinh ngày 03/8/2003, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét về quyền nuôi cháu T2. Đối với cháu Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008, có bản khai thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với ông T trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Đây là sự tự nguyện của cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như yêu cầu khởi kiện của ông T, nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung (nếu có): Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.5] Những phân tích trên, cũng là căn cứ cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, nên được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bà T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Võ Thanh T được ly hôn với bà Trần Thị Kim T1.
2. Về quyền nuôi con chung: Ông Võ Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Kim C, sinh ngày 29/01/2008, hiện đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.
3. Bà Trần Thị Kim T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T1 theo quy định của pháp luật. Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của bà T1.

4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của cháu C thì ông T, bà T1, người thân thích của cháu C, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Thanh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0009897 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ sang thi hành án phí, nên ông T không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, ông T, bà T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hòa, TX. Phú Mỹ
(để ghi chú ly hôn);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh